TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm số: 29/2024/DS-GĐT Ngày 21-6-2024 V/v tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Minh;

Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Ngô Tiến Hùng;

Bà Lương Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949; cư trú tại: Thôn Hiền L, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Như Y, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 365, đường Lê Hồng P, phường Phước H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2019).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H (Hanh Thi N), sinh năm 1945; địa chỉ: 2717 N H, P, AZ H, USA.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1936; cư trú tại: Số 2065, Ấp 5, xã Xuân T, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C1: Bà Nguyễn Thị O; sinh năm 1975; cư trú tại: Số 2065, Ấp 5, xã Xuân T, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2020).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957; cư trú tại: Khu phố 4, thị trấn Ngãi G, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Ông Cao Như Y, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 365, đường Lê Hồng P, phường Phước H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019).

3. Ông Nguyễn Quang M (Mua Q), sinh năm 1952; địa chỉ: B w A, P, AZ H, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn Hiền L, xã Cam B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2019).

4. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1968; cư trú tại: Số nhà 23, đường Đào Duy A, thôn Nghĩa B, thị trấn Cam Đ, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Trần Văn N, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn Thủy B, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Cao Như Y, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 365, đường Lê Hồng P, phường Phước H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2019).

6. Anh Bùi Trọng H2, sinh năm 1963

7. Chị Dương Thị Thùy T1, sinh năm 1970;

8. Bà Bùi Thị P;

9. Ông Trần Trung Q;

10. Ông Trần Tuấn A;

11. Ông Trần Văn N1;

12. Bà Trần Thị Yến N2;

13. Ông Dương K, sinh năm 1953;

14. Bà Nguyễn Thị V;

Cùng cư trú tại: Thôn Thủy B, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/4/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/6/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C (do ông Cao Như Y đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Nguyễn Quang D (chết năm 1961) và cụ Nguyễn Thị D1 (chết năm 2005) có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị T2 (chết năm 2018, có chồng là ông Trần Văn L chết trước giải phóng và 03 người con là chị Trần Thị M1, anh Trần Văn N, anh Trần Văn P1; anh P1 chết năm 2018, có vợ là chị Bùi Thị P và 04 người con là Trần Tuấn A, Trần Trung Q, Trần Văn N1, Trần Thị Yến N2), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị H1 và bà C.

Ngày 06/7/1997, cụ D1 được Ủy ban nhân dân huyện Cam R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.625m^2 tại thôn Thủy B, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa. Năm 2005, cụ D1 chết, không để lại di chúc.

Sau khi cụ D1 chết, bà H cùng vợ chồng con gái là chị Dương Thị Thùy T1, anh Bùi Trọng H2 tạm thời quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên. Sau đó, bà H qua Mỹ định cư, vợ chồng chị T1 tiếp tục quản lý tài sản.

Năm 2017, các đồng thừa kế của cụ D1 tiến hành họp bàn về việc phân chia di sản của cụ D1. Lúc này, các đồng thừa kế mới phát hiện vợ chồng chị T1 đang xây dựng ngôi nhà kiên cố trên đất của cụ D1. Bà C và các đồng thừa kế khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Cam An B giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 27/3/2019, bà C và các đồng thừa kế mới biết trước đây bà H đã tự ý bán nhà, đất của cụ D1 cho vợ chồng chị T1 vào ngày 10/2/1996 với diện tích đất 500m^2; năm 1998, bà H tiếp tục bán diện tích đất 450m^2 của cụ D1 cho ông Dương K. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H với chị Dương Thị Thùy T1, anh Bùi Trọng H2 và Hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Dương K vô hiệu.

- Phân chia di sản thừa kế của cụ D1 đối với thửa đất nêu trên.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Chị Dương Thị Thùy T1 và anh Bùi Trọng H2 trình bày*: Năm 1996, vợ chồng anh chị mua diện tích đất 500m^2 (10x50m) của cụ Nguyễn Thị D1, việc mua bán có bà Nguyễn Thị T2 (con của cụ D1) và ông Dương K làm chứng. Thời điểm mua bán cụ D1 còn sống nhưng vì cụ D1 đã già và không biết chữ nên bà H

(mẹ của chị) đứng tên bán, cụ D1 giao cho vợ chồng chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng hộ khẩu của bà H để tiện cho việc tách sổ sau này. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng chị đã nhiều lần sửa chữa nhà nhưng không ai có ý kiến gì, vợ chồng chị chưa hoàn thành thủ tục giấy tờ, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên hộ cụ D1. Vợ chồng chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C vì việc mua bán đất các con cụ D1 đều biết và anh chị đã ở trên đất từ năm 1996 đến nay.

- *Ông Dương K trình bày*: Phần đất ông ở hiện nay tại thôn Thủy B, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc của cụ D1. Ngày 04/10/1998, cụ D1 bán cho ông một phần đất có diện tích khoảng 450m^2 thuộc thửa đất số 16, trên đất có một căn nhà với giá là 30 chỉ vàng, do cụ D1 đã già yếu và không biết chữ nên giao cho bà H viết Giấy bán đất cho ông. Đến ngày 10/7/2000, do Giấy bán đất viết năm 1998 đã cũ nên bà H viết lại cho ông tờ mới là "Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư" có nội dung như Giấy bán đất năm 1998. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông đã xây nhà và ở ổn định trên đất từ năm 1998 đến nay, quá trình sử dụng không ai có ý kiến gì. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C và đề nghị Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng phần diện tích đất đã mua của cụ D1.

- *Bà Bùi Thị P, ông Trần Tuấn A, ông Trần Trung Q, ông Trần Văn N1, bà Trần Thị Yến N2, bà Trần Thị M1, bà Nguyễn Thị V* đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến.

- *Bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị H1, ông Trần Văn N (do ông Cao Như Y đại diện theo ủy quyền) trình bày*: Thống nhất toàn bộ nội dung khởi kiện và lời trình bày của bà C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 15/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1. Xác định Giấy sang nhượng đất ngày 10/02/1996 giữa bà Nguyễn Thị H với ông Bùi Trọng H2 và "Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư" giữa bà Nguyễn Thị H với ông Dương K năm 2000 không bị vô hiệu.

2. Tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị D1 là số tiền 559.680.000 đồng.

3. Những người thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị D1 theo pháp luật là bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị C mỗi người được hưởng một kỷ phần với số tiền là 93.280.000 đồng.

4. Nhận hiện vật: Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 2 có diện tích là 559,2m^2 và sở hữu tài sản trên đất theo mảnh trích đo địa chính số

15-2020 hệ tọa độ VN B, thôn Thủy B-tờ số 20 (329593 1 B) đo đạc hiện trạng thửa đất số 28, có tổng diện tích 1.626,8m^2 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Nghĩa vụ thanh toán:

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị C1 mỗi người số tiền 93.280.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn N và bà Trần Thị M1 mỗi người số tiền 31.093.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị P, ông Trần Tuấn A, Trần Trung Q, Trần Văn N1, Trần Thị Yến N2 05 (năm) người số tiền 31.093.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/6/2020, bị đơn là bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị hủy phần phân chia di sản thừa kế.

Ngày 22/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tháng 6/2020 (không đề ngày), bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị C1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 152/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 242/2021/DS-PT ngày 08/12/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và kháng cáo của bà Nguyễn Thị C1.

Không chấp nhận kháng cáo của các bà Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị H1.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 152/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và hiệu lực của bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/4/2022, bà Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Ngày 08/4/2022, bà Nguyễn Thị C1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Ngày 06/4/2022, bà Nguyễn Thị H1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/2024/KN-DS ngày 14/3/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 242/2021/DS-PT ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất có diện tích 1.625m^2 (đo đạc thực tế là 1.626,8m^2) thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 5 tại thôn Thủy B, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/9/1997 thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Thị D1. Theo Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20/01/1997, cụ D1 đăng ký, kê khai với diện tích đất 1.625m^2, nguồn gốc là do tự khai phá năm 1973.

[2] Ngày 10/2/1996, bà Nguyễn Thị H (là con của cụ D1 và cụ Nguyễn Quang D) chuyển nhượng một phần diện tích đất của thửa đất số 16 nêu trên, diện tích 500m^2 (10x50m) với giá chuyển nhượng 10.000.000 đồng cho anh Bùi Trọng H2 (là con rể bà H), giấy sang nhượng đất có chữ ký người làm chứng là bà Nguyễn Thị T2 và ông Dương K.

[3] Ngày 04/10/1998, bà H tiếp tục chuyển nhượng cho ông Dương K (là em chồng của bà H) diện tích 9x50m thuộc một phần thửa đất số 16 với giá chuyển nhượng là 03 cây vàng thể hiện tại "Giấy bán nhà". Ngày 10/7/2000, bà H và ông K ký kết "Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư" để xác nhận lại nội dung của "Giấy bán nhà" nêu trên.

[4] Theo Biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2019, anh H2, chị T1 cho biết tại thời điểm mua bán, do là người trong gia đình nên hai bên chỉ viết tay, giấy sang nhượng đất không có công chứng, chứng thực; cụ D1 đã lớn tuổi, không biết chữ, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng và sống chung cùng cụ D1 nên đứng ra viết giấy mua bán. Tại Đơn trình bày ngày 29/10/2019 và Biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2019, ông Dương K xác nhận: Nhà, đất mà bà H bán cho ông là của cụ D1. Năm 1998, cụ D1 có nói bán cho ông một phần đất (gồm 01 căn nhà, phần

mái gỗ, tôn đã cũ), do cụ D1 đã già yếu, không biết chữ nên giao cho bà H thỏa thuận với ông. Ngày 04/10/1998, bà H viết giấy bán đất cho ông với diện tích khoảng 450m^2, giá 30 chỉ vàng. Năm 2000, do Giấy bán đất năm 1998 đã cũ nên bà H viết lại cho ông K tờ giấy mới là "Giấy sang nhượng một phần đất thổ cư". Như vậy, ông K, chị T1, anh H2 đều xác định diện tích đất chuyển nhượng là của cụ D1, cụ D1 không ký kết vào các giấy chuyển nhượng, người ký chuyển nhượng là bà H. Bà H không phải chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 16 nhưng lại thực hiện giao dịch chuyển nhượng cho chị T1, anh H2 và ông K là trái pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 131, Điều 136, Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 1995. Chị T1, anh H2, ông K cho rằng cụ D1 giao cho bà H đứng ra chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không có chứng cứ chứng minh hay văn bản ủy quyền của cụ D1 ủy quyền cho bà H thực hiện các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định việc chuyển nhượng giữa bà H với anh H2, giữa bà H với ông K không bị vô hiệu theo hướng dẫn tại điểm b.3 điểm b tiểu mục 2.2 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 16/2017/AL ngày 28/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H với anh H2 và giữa bà H với ông K vi phạm về chủ thể chuyển nhượng theo quy định tại điểm a.5 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; năm 1996, bà H chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho anh H2, nhưng năm 1997 cụ D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích thửa đất số 16 là 1.625m^2; đồng thời, hiện nay anh H2 và ông K chưa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nhận chuyển nhượng. Do đó, Tòa án hai cấp áp dụng điểm b.3 điểm b tiểu mục 2.2 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 và Án lệ số 16/2017/AL ngày 28/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là không đúng. Như vậy, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H với anh H2 và giữa bà H với ông K bị vô hiệu theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 1995. Cụ D1 chết, không để lại di chúc nên di sản của cụ D1 để lại để chia theo pháp luật là toàn bộ diện tích đất 1.626,8m^2 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 05 (thửa mới là số 28) tại thôn Thủy B, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa.

[6] Đồng thời, bà C và những người thừa kế gồm bà H1, bà C1 có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng, Tòa án hai cấp cho rằng các bà đã có nhà ở ổn định nên giao toàn bộ nhà đất có diện tích 559,2m^2 tại thôn Thủy B, xã Cam An B, huyện Cam L, tỉnh Khánh Hòa (là diện tích đất còn lại của thửa đất số 16) cho bà H, trong khi bà H đang định cư tại nước ngoài và bà H cũng

không có ý kiến về việc nhận di sản bằng giá trị hay hiện vật là không đảm bảo quyền lợi cho bà C và những người thừa kế khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/2024/KN-DS ngày 14/3/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 242/2021/DS-PT ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về vụ án *"Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu"* giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C với bị đơn là bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC - Vụ 9;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, PCA phụ trách, Vụ GĐKT II, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hà